THÀNH ĐOÀN TP. HỒ CHÍ MINH
BCH ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Kết quả kiểm tra lớp bồi dưỡng nhận thức về đảng đợt tháng 10/ 2016
(Danh sách những sinh viên đạt)

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH (Ngày/tháng /năm)	MSSV	LỚP	KHOA
1.	Nguyễn Thị Diễm Hân	7/10/1996	61402477	14060201	KHUD
2.	Trần Thị Hồng An	29/03/1996	61403271	14060302	KHUD
3.	Võ Thị Thanh Huệ	26/12/1996	61403094	14060302	KHUD
4.	Nguyễn Thị Huỳnh Như	14/06/1997	61503130	15060302	KHUD
5.	Hoàng Trọng Ngọc	16/08/1996	31404173	14030401	KHXH&NV
6.	Hà Thanh Thảo	15/10/1996	31404072	14030401	KHXH&NV
7.	Trần Thanh Đoàn Hải Yến	19/10/1996	31404024	14030401	KHXH&NV
8.	Mã Trường Toàn	5/11/1997	21500192	15020101	KT
9.	Cao Công Kim Khánh	2/9/1997	21500095	15020101	KT
10.	Trần Thị Gia Hân	28/09/1997	21500365	15020101	KT
11.	Trần Lê Uyên Thảo	4/6/1996	21500306	15020101	KT
12.	Phạm Thị Lệ	20/10/1997	21500005	15020101	KT
13.	Phạm Thị Thu Cúc	18/10/1995	21300355	13020101	KT
14.	Võ Thị Huỳnh Nhi	23/02/1995	21300555	13020101	KT
15.	Ngô Thị Oanh Nhi	29/04/1996	21580028	15820101	KT
16.	Nguyễn Chí Thông	5/3/1997	21580022	15820101	KT
17.	Phan Lê Dạ Quỳnh	29/9/1997	21580087	15820101	KT
18.	Nguyễn Thị Thu Thủy	15/03/1997	21580077	15820101	KT
19.	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	23/03/1996	21480291	14820103	KT
20.	Võ Minh Luân	11/12/1996	81402048	14080201	KTCT

21.	Châu Thanh Phúc	20/08/1997	81503034	15080301	KTCT
22.	Bùi Bá Thọ	15/12/1996	81401041	14080102	KTCT
23.	Nguyễn Thúy Hằng	28/08/1996	81403123	14080301	KTCT
24.	Nguyễn Phúc Thảo Vy	25/11/1996	81403035	14080301	KTCT
25.	Huỳnh Ngọc Tấn	22/04/1995	81403161	14080301	KTCT
26.	Đặng Huỳnh Tú Giang	18/08/1996	81403058	14080301	KTCT
27.	Đinh Thị Trường An	30/09/1995	A1300001	130A0002	LĐ&CĐ
28.	Nguyễn Minh Hải	26/04/1995	A1300149	130A0001	LĐ&CĐ
29.	Ngô Thị Thiếu	2/9/1994	A1300184	130A0001	LĐ&CĐ
30.	Vỏ Thị Kim Oanh	10/9/1994	A1300173	130A0001	LĐ&CĐ
31.	Thái Hà Kim Quyên	23/09/1995	A1300086	130A0002	LĐ&CĐ
32.	Bùi Công Tuấn Tú	10/2/1997	A1500024	150A0001	LĐ&CĐ
33.	Trần Thu Tâm	2/1/1997	A1500102	150A0001	LĐ&CĐ
34.	Hồ Diên Thị Song Thương	22/07/1997	A1500059	150A0001	LĐ&CĐ
35.	Lê Thị Thanh Hiền	26/11/1997	A1500093	150A0001	LĐ&CĐ
36.	Đồng Văn Công	17/01/1996	A1500064	150A0001	LĐ&CĐ
37.	Đoàn Minh Tứ Quí	17/12/1997	A1500018	150A0001	LĐ&CĐ
38.	Bùi Thị Hoài	5/3/1997	A1500035	150A0001	LĐ&CĐ
39.	Nguyễn Thị Thắm	25/07/1996	71401082	140E0101	Luật
40.	Cao Thị Thùy Trâm	12/7/1996	71400696	140E0101	Luật
41.	Cao Thị Thương	15/07/1996	71400575	140E0101	Luật
42.	Võ Thị Diệu Linh	10/8/1995	71401074	140E0101	Luật
43.	Nguyễn Thị Thảo	8/1/1995	71400835	140E0101	Luật
44.	Nguyễn Thị Thanh	18/06/1996	71400821	140E0101	Luật
45.	Trần Thị Mỹ Dung	25/04/1996	71400770	140E0102	Luật
46.	Nguyễn Phạm Ngọc	1/12/1996	71400661	140E0102	Luật

	Phương Trâm				
47.	Đặng Thị Kiều Trinh	28/9/1996	71400663	140E0103	Luật
48.	Võ Thị Mộng Tuyền	14/09/1995	71400960	140E0104	Luật
49.	Nguyễn Thị Huỳnh Như	3/10/1996	71401099	140E0104	Luật
50.	Phạm Thị Hồng Ngọc	6/10/1996	71400765	140E0104	Luật
51.	Trần Thị Thủy Tiên	15/04/1995	71400704	140E0104	Luật
52.	Trần Kim Lanh	28/06/1996	71400723	140E0104	Luật
53.	Lê Nguyễn Tường Vi	6/4/1995	71401032	140E0104	Luật
54.	Đặng Thị Trúc Linh	22/02/1995	71401051	140E0104	Luật
55.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	8/1/1995	71400562	140E0104	Luật
56.	Bùi Thị Anh Thư	7/11/1995	71400791	140E0104	Luật
57.	Vũ Đức Thiêm	14/06/1997	E1500280	150E0102	Luật
58.	Phạm Trần Ngọc Hưng	3/10/1997	E1500288	150E0102	Luật
59.	Nguyễn Thị Kim Ngân	17/8/1997	E1500047	150E0102	Luật
60.	Lê Thị Kiều Oanh	4/2/1997	E1500202	150E0102	Luật
61.	Lê Thanh Phước	27/10/1997	E1500207	150E0102	Luật
62.	Dương Đỗ Thùy Đoan	30/4/1997	E1500079	150E0102	Luật
63.	Nguyễn Bá Thành	9/11/1997	E1500084	150E0103	Luật
64.	Nguyễn Thị Anh Thư	7/12/1996	91403019	14090301	MT&BHLĐ
65.	Võ Mai Thi	28/8/1996	91403032	14090301	MT&BHLĐ
66.	Lê Thị Ngọc Khanh	16/04/1996	91403054	14090301	MT&BHLĐ
67.	Nguyễn Thị Kim Hoàng	27/05/1996	91403014	14090301	MT&BHLĐ
68.	Nguyễn Thị Lan Anh	28/05/1996	91403012	14090301	MT&BHLĐ
69.	Trần Thị Hồng Nhiên	15/3/1996	91403113	14090301	MT&BHLĐ
70.	Bùi Thị Thảo Quyên	18/12/1996	91403124	14090301	MT&BHLĐ
71.	Đào Thị Côi	19/9/1995	91403137	14090301	MT&BHLĐ

72.	Phạm Thị Kim Trang	15/03/1996	91403131	14090301	MT&BHLĐ
73.	Nguyễn Văn Hiệu	12/1/1996	91401062	14090101	MT&BHLĐ
74.	Võ Anh Kiệt	20/10/1996	91401085	14090101	MT&BHLĐ
75.	Lương Thị Kim Hương	6/8/1995	91302031	13090201	MT&BHLĐ
76.	Tân Tiến Phước	9/1/1997	91502103	15090202	MT&BHLĐ
77.	Phạm Thị Hà	20/10/1995	91301286	13090101	MT&BHLĐ
78.	Võ Thị Anh Đào	14/4/1995	91301263	13090101	MT&BHLĐ
79.	Bùi Thanh Trương	19/12/1995	91301622	13090102	MT&BHLĐ
80.	Lê Thị Trang	30/07/1995	91301593	13090102	MT&BHLĐ
81.	Lê Thị Tiến	22/09/1995	91301577	13090102	MT&BHLĐ
82.	Phan Nguyễn Quế Thanh	3/11/1995	91301528	13090102	MT&BHLĐ
83.	Nguyễn Thị Lan Hương	2/10/1995	91301338	13090102	MT&BHLĐ
84.	Nguyễn Văn Chiến	30/7/1995	91301233	13090102	MT&BHLĐ
85.	Đào Thu Hường	7/11/1997	01502008	15000202	NN
86.	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	4/6/1997	01502022	15000202	NN
87.	Dương Thúy Hằng	21/4/1995	01403090	14000303	NN
88.	Lê Thanh Tâm	20/05/1997	01580053	15800102	NN
89.	Hồ Thị Bích Hạnh	18/10/1996	01580077	15800102	NN
90.	Đỗ Ngọc Thúy	19/12/1997	01501288	15000107	NN
91.	Phạm Thị Phương Trinh	25/07/1997	01501065	15000107	NN
92.	Nguyễn Thùy Dương	31/10/1997	01501311	15000105	NN
93.	Dương Nguyễn Lan Vy	25/06/1995	01301407	13000101	NN
94.	Nguyễn Anh Trí	23/09/1995	01301362	13000101	NN
95.	Dương Sín Dinh	18/03/1997	01503039	15000302	NN
96.	Lê Trần Ngọc Trâm	7/8/1997	01503074	15000302	NN
97.	Trần Kim Vân	8/5/1997	01502028	15000201	NN

98.	Bùi Thị Thùy An	5/3/1997	01501242	15000104	NN
99.	Phan Trọng Hiếu	3/3/1997	01501007	15000104	NN
100.	Nguyễn Thị Thanh Loan	26/03/1997	01503080	15000301	NN
101.	Khiếu Thị Như Quỳnh	11/11/1997	01501011	15000110	NN
102.	Nguyễn Thị Diễm Phụng	5/11/1997	01501118	15000106	NN
103.	Nguyễn Thị Trà My	22/12/1996	01480442	14800105	NN
104.	Trần Thị Minh Thảo	21/10/1997	71506226	15070601	QTKD
105.	Trần Thị Thùy Vy	18/6/1997	71506298	15070601	QTKD
106.	Phan Thành Vinh	14/03/1997	71505215	15070501	QTKD
107.	Lâm Thị Thanh Thảo	12/8/1997	71505218	15070501	QTKD
108.	Nguyễn Phạm Thanh Phương	4/4/1997	71506036	15070603	QTKD
109.	Lê Thị Thảo Duyên	17/01/1997	71506278	15070603	QTKD
110.	Lê Thị Ngọc Hoa	12/12/1996	71506156	15070604	QTKD
111.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	9/8/1996	71405086	14070502	QTKD
112.	Nguyễn Thị Ngọc Lan	21/06/1997	71505284	15070502	QTKD
113.	Trần Ngọc Nhật	5/6/1996	71505241	15070502	QTKD
114.	Mai Thị Thu Hương	27/12/1997	71505343	15070502	QTKD
115.	Nguyễn Phước Cảnh Vân	19/3/1997	71506014	15070602	QTKD
116.	Trương Thị Kiều Hoa	16/9/1997	71506109	15070602	QTKD
117.	Trương Thị Mỹ Ngọc	7/1/1997	71506188	15070602	QTKD
118.	Trần Huỳnh Hồng Ngọc	23/02/1996	B1400530	140B0103	TCNH
119.	Phạm Võ Kim Ngân	22/2/1996	B1400643	140B0103	TCNH
120.	Nguyễn Thị Thu Thu	2/10/1996	B1400446	140B0103	TCNH
121.	Hoàng Phương Dung	22/07/1996	B1400388	140B0103	TCNH
122.	Nguyễn Phan Thảo Phương	19/10/1996	B1400693	B1400693	TCNH

123.	Nguyễn Thanh Thảo	26/04/1996	B1400375	B1400375	TCNH
124.	Nguyễn Hồng Phúc	28/09/1996	B1400309	140B0103	TCNH
125.	Nguyễn Vũ Hoàng	19/10/1995	B1400341	140B0103	TCNH
126.	Nguyễn Lý Anh Thư	1/10/1997	B1501092	150B0104	TCNH
127.	Lê Hoàng Anh Thi	28/07/1997	B1501059	150B0104	TCNH
128.	Nguyễn Anh Thư	11/6/1997	B1501202	150B0104	TCNH
129.	Phạm Thị Vạn Lợi	30/11/1997	B1501077	150B0104	TCNH
130.	Trương Hồng Loan	7/12/1997	B1501127	150B0104	TCNH
131.	Lưu Thị Phương	11/10/1997	B1501031	150B0104	TCNH
132.	Hứa Thiện Khánh	23/07/1997	B1501144	150B0104	TCNH
133.	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2/12/1997	B1501124	150B0104	TCNH
134.	Lê Thị Kim Bình	16/10/1997	B1501603	150B0111	TCNH
135.	Lưu Thị Ninh	21/10/1997	B1501602	150B0111	TCNH
136.	Nguyễn Thị Cẩm Tú	26/1/1997	B1501641	150B0111	TCNH
137.	Hồ Xuân Bảo Châu	23/4/1997	B1501650	150B0111	TCNH
138.	Nguyễn Tùng Thủy Tiên	11/3/1997	B1501670	150B0111	TCNH
139.	Trương Thị Dạ Thảo	23/3/1997	B1501675	150B0111	TCNH
140.	Nguyễn Khôi	4/6/1997	B1501679	150B0111	TCNH
141.	Lương Phạm Vân Anh	17/1/1997	B1501686	150B0111	TCNH
142.	Nguyễn Vy An	3/1/1997	B1501153	150B0102	TCNH
143.	Trần Đăng Vĩnh Phúc	20/7/1997	B1501200	150B0102	TCNH
144.	Nguyễn Nhật Quang Trí	18/11/1997	B1501012	150B0102	TCNH
145.	Trần Duy Khoa	14/6/1997	B1501196	150B0102	TCNH
146.	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	23/9/1997	B1501121	150B0102	TCNH
147.	Trần Anh Thư	7/6/1997	B1501259	150B0102	TCNH
148.	Nguyễn Thị Thùy Thấm	26/5/1996	B1501230	150B0102	TCNH

149.	Lưu Tú Châu	30/09/1993	C1301003	130C0101	TTK
150.	Trần Minh Thuận	10/9/1996	41401382	14040102	ĐĐT
151.	Võ Thành Luật	18/11/1996	41403165	14040302	ĐĐT
152.	Phan Mỹ Quỳnh Dung	16/3/1995	41403187	14040302	ĐĐT
153.	Nguyễn Ngọc Phước	17/9/1995	41401299	14040102	ĐĐT
154.	Trương Nguyễn Quốc Huy	25/07/1993	41104167	11040002	ĐĐT
155.	Nguyễn Hoàng Bá	3/8/1997	11503042	15010301	MTCN
156.	Phan Đình Hội	1/71995	11403033	14010301	MTCN
157.	Tạ Minh Trí	3/7/1997	11502001	15010201	MTCN
158.	Nguyễn Thành Nhân	15/9/1991			